

COUNTRIES	Last Name	Given Name	Chinese Name	People Attended
MELBOURNE	Tang	Lan Phung	曾淑順	1
	Tang	Kinh Khanh KEN	曾昭斌	1
	Tang	Vi Quoc	曾昭樑	1
	Tang	Yen	曾翠宜	1
	LAM	VAN TY	林文弟	1
	LY	An	李少波	1
	LY	Thieu Khanh	李少卿夫婦	2
	DUONG	PHUOC HONG	楊福洪老師夫婦	3
	HUYNH	HONG HUE	黃洪慧夫婦	2
	DUONG	HA	楊玉霞夫婦	2
	NGUYEN	Truyen		
	TRẦN	NHƯ Ý	陳如意	1
	LY	MY DUNG	李美蓉	1
	TIEU	PHUONG	劉玉娟	1
	MA	TAN	馬發勝	1
	TRAN	KIM NGOC	陳金玉	1
	VUONG	PHUOC	王炳初	1
	HUYNH	TY	黃成茂夫婦	2
	TANG	LE ANH	曾麗英夫婦	2
	VI	CAM NHU	韋錦如夫婦	2
	LAM	Lien kim	林蓮金	1
	LUU	DANIEL	劉育亮夫婦	2
	LUU	ANGELA	劉育美	1
	KHA	THANH LIEN	柯誠蓮夫婦	2
	WONG	PAUL	黃良堅	1
	LY	Xiem	李鎮心夫婦	2
	VI	CAM LE	韋錦麗	1
	DU	VU THUAN	游裕順	2
	LY	BICH NGOC	李碧玉	
	LUU	MICHAEL	劉育光	1
	DO	THU TRUONG	杜秋長夫婦	2
	NGUYEN	NGA		
	WONG	KAREN	蔡秀紅夫婦	2
	Wong	Gregory	黃志強	
	LY	TRAN VAN	李鎮文夫婦	2
	VI	CAM SANH	韋錦生老師	1
	VI	CAM KIEU	韋錦嬌	1
	DUONG	MINH HA	楊明霞夫婦	2
			李鴻均	
	TUONG	THUY TAM	蔣翠沁夫婦	2
			吳桂忠	
	TRAC	HOA	卓鎮華夫婦	2
	TRAN	JENNY	柯誠玉夫婦	2
	TRAN	TONG		
	NGUYEN	Ngoc Nhi		2
		Matthew		

	Trinh	Quoc Thuan		2
	Lam	Hong		
	Kwok	Maggie	柯 诚芬	1
	Phung	Lam	冯子林老師夫婦	2
	Kha	Thành Mỹ	柯 诚美	1
	DU	VU THANH	游裕盛夫婦	2
	Luu	Huong	刘育香	1
	Luu	Tai	刘育才夫婦	2
	Thai	Tu Hoa	蔡秀花	
	Tran	Phước Hưng	楊福興	1
	WONG	Kenny		1
	WONG	Kevin		1
	Luu	Chi Dung	刘志勇	2
	Lieu	Ngoc Tu	廖玉秀	
	TRAN	The khai	陳世愷夫婦	2
	Tieu	Hue Hoa	蕭惠华夫婦	2
			顏漢標	
	Ong	Quang Hung	翁光雄老師夫婦	2
			郭奇风	
			王三川	2
	Tram	Dat son	沈達山夫婦	2
	Truong	Minh khanh	張明庆	3
	Duong	Tuong quang	楊祥光	1
			黃崇夫婦	2
	Tran	Phuoc Hoa	楊福华	1
	Hong	Khang cuong	洪抗強	2
	Quach	Binh	郭和	1
	Duong	Quoc An	楊国安	1
			陳潮	1
	Huynh	Hue Du	黃惠如	1
PERTH	LUU	XUAN LAN	刘春兰夫婦	2
	Luu	HUE lân	劉惠麟	1
	Lam	Lien Phan	林蓮芬	1
SYDNEY	LUU	NGOC DIEP	刘翠	1
	TU	TANG NU	徐冰瑩	1
	LY	MY PHUNG	李美鳳	1
	CHAU	TU BICH	周秀碧	1
	DUONG	JULIE	马玉芳	1
	HUYNH	HUE	黄玉华	1
	LUONG	JENNY	梁玉珍	1
	PHUNG	TIENA	冯惠琴	2
	PHUNG	KIEN	冯鎧健	
	LUU	PHUNG	劉秀玲	1
	LU	MUOI	盧妹	1
	LU	ANN	盧秋香	1

	TANG	NGUYET HONG	曾月红	1
	LUU	KIEN LAC	劉建樂	2
	LEE	ROWENA		
	TA	BILL	謝忠平夫婦	2
		TRACEY		
	TRAN	KERRY	程嘉麗夫婦	2
	TRAN	THOMAS	陳中智	
	LUU	VI HIEU	劉偉孝	1
	DOAN	THUY		1
	Tuong	Peter Chau	蔣錦華	1
	Tuong	Linda choi	馮玉玲	1
	Lu	Thu Cuc	盧秋菊	1
	Đặng	Ngoc Lan	鄧玉兰	1
	Quach	To Dung	郭素容	1
	Hà	Đức Thành	何德成	1
	Lam	Le Chinh	林丽贞夫妇	2
	Trinh	William	程威廉夫妇	2
	Thai	Chen		4
	Ly	Thi Nga		
	La	Phong Anh		
	Trung	Charlena		
	Thai	My phan	蔡美芬	1
	Huynh	Chi Cuong	黃志強	1
	Tang	Học Minh	曾學明	3
Brisbane	Chung	My Lan	鍾美蘭	1
USA	Fung	Tony	冯百研	1
	TRAN	HAN NAM	陈漢南老師夫婦	2
	KHUU	KHACH	邱作勤夫婦	2
	HUYNH	HELEN		
	TANG	KIEN HUE	曾建国	1
	TANG	KIEN XUONG	曾建昌	1
	TIEU	TRUNG		3
	LAM	Anthony	林汉凯	2
	LAM	NORY	林惠琬	
	NGO	TUYET PHUONG	吳雪芳夫婦	2
	LAM	ANH		2
	LAM	MUI		
	TRAN	HUNG TRUNG		1
	TRAN	STEVEN	陳鈞然夫婦	7
			聶明惠	
	TRAN	OLIVIA	陳秀芳	
	TRAN	THERASA	陳秀霞	
	YIP	ALAIN	葉國鈞	
	YIP	SHIRLEY	陳秀芝	
	YIP	JEFFREY		

	TRAN	TU CAM	陳秀琴	1
	HUYNH	My MY	黃美美	1
	Lam	Chieu	林健洲	5
	Ta	Song	謝佩凤	1
VIET NAM	TRẦN	NHƯ TÂM	陈如心	1
	HUYNH	MY	黃美	1
	Nguyen	Thu	阮秋	1
	Dang	Thuan	鄧順	2
GERMANY	QUACH	MINH	郭春科	1
CANADA	CHU	NANCY	朱秀月	2
	CHU	KIM	朱秀金	
			Total	182